

CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC GIANG ĐÔNG ĐÔ - BQP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẮC GIANG ĐÔNG ĐÔ - BQP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC GIANG DONG DO - BQP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400895408

3. Ngày thành lập: 01/10/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ dân phố 4, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0975 459 926

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ: làm nguyên liệu giấy, làm ván ép	0210
2.	Khai thác gỗ	0220
3.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
4.	Khai thác và thu gom than non	0520
5.	Khai thác dầu thô	0610
6.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
7.	Khai thác quặng sắt	0710
8.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
9.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
10.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
11.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
12.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Chế biến khoáng sản	0990
14.	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Tẩy hoặc nhuộm vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo	1313
15.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
16.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Sản xuất than cốc	1910

19.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
20.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ hoá chất Nhà nước cấm)	2011
21.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
22.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
23.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
24.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
25.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất thiết camera và thiết bị phát thanh khác (trừ thiết bị thu phát sóng);	2630
28.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
29.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
30.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
31.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng	2829
32.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
33.	Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí	3012
34.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
35.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
36.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
37.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
38.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Thu gom rác thải độc hại	3812
41.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
42.	Xây dựng nhà để ở	4101
43.	Xây dựng nhà không để ở	4102
44.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu cống	4212
45.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình công ích	4229

46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng các công trình công nghiệp; công trình cửa; xây dựng đường hầm; - Đập và đê; - Xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV	4299
47.	Phá dỡ	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Hệ thống báo cháy, chữa cháy, hệ thống chống trộm, camera quan sát - Lắp đặt trạm biến áp đến 35 KV - Hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng	4329
51.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
52.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Thi công phòng chống mối, một công trình xây dựng - Các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời;	4390
53.	Bán mô tô, xe máy	4541
54.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
55.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
56.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá	4610
57.	Bán buôn thực phẩm	4632
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác	4641
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649

60.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô, xe máy và xe đạp	4659
62.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
64.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
65.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn cao su, sản xuất keo dán từ cao su	4669
66.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
69.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
70.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	4931
71.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;	4932
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
73.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78.	Bốc xếp hàng hóa	5224
79.	Bưu chính (không bao gồm sản xuất tem bưu chính)	5310
80.	Chuyển phát	5320
81.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
82.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610

83.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
84.	Lập trình máy vi tính	6201
85.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ	6492
86.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
87.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản - Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
88.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	7020
89.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế công trình đường bộ; - Thiết kế các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; - Giám sát thi công xây dựng công trình: Giao thông - Lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp - Lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi - Cấp nước sinh hoạt - Lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình;	7110
90.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình xây dựng;	7120
91.	Quảng cáo	7310
92.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
93.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động có kỹ năng chuyên môn khoa học và công nghệ trong lĩnh vực xây dựng	7490
94.	Cho thuê xe có động cơ	7710
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
96.	Đại lý du lịch	7911

97.	Điều hành tua du lịch	7912
98.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)	7990
99.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
100.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan Chi tiết: Trồng cây, chăm sóc và duy trì công viên và vườn	8130
101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
102.	Giáo dục trung học cơ sở (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8522
103.	Giáo dục trung học phổ thông (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8523
104.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp sơ cấp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8531
105.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp trung cấp (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8532
106.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp cao đẳng (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8533
107.	Hoạt động bảo tồn, bảo tàng Chi tiết: Hoạt động bảo tồn các ngôi nhà, các di tích và các công trình lịch sử	9102

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG PHÁT TRIỂN ĐÔNG ĐÔ - BQP	Tổ 57, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25,000	0100406846	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	25,000		
2	HOÀNG THỊ THỦY	Thôn Hưng Thịnh, Xã Tư Mại, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	122007733	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000		

3	NGUYỄN ĐÌNH BẮC	Thôn Bắc Am, Xã Tư Mại, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	121073508
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	
4	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	Thôn Bắc Am, Xã Tư Mại, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	700.000	7.000.000.000	35,000	121558988
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	700.000	7.000.000.000	35,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/12/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121558988

Ngày cấp: 07/05/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bắc Am, Xã Tư Mại, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố 4, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang